TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 09 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 722/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L (L1), sinh năm 1986.

HKTT: số 402/TA, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn T (N), sinh năm 1977.

Địa chỉ: số D, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 04/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Huỳnh Tấn P, sinh ngày 23/12/2001 (đã trưởng thành); Huỳnh Tấn K, sinh ngày 23/4/2006; Huỳnh Thiện N1, sinh ngày 29/8/2010 và Huỳnh Vỹ Đ, sinh ngày 10/02/2016.

Chị Nguyễn Thị L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Vỹ Đ (phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ tại biên bản lấy ý kiến ngày 01/02/2023). Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huỳnh Văn T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Tấn K và Huỳnh Thiện N1 (phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu N1 tại biên bản lấy ý kiến ngày 01/02/2023). Ghi nhận anh T tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: không tranh chấp.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Nguyễn Thị L đồng ý nộp toàn bộ. Số tiền án phí chị L phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000356 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị L được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Thủy, huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Nhi